

PTS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG

Phát triển nền kinh tế thị trường, trong những năm qua chính phủ VN đã chú trọng phát triển hệ thống ngân hàng. Cùng với việc đẩy mạnh phát triển hệ thống ngân hàng trong nước, chính phủ VN đã cho phép các ngân hàng nước ngoài vào hoạt động. Tính đến hết tháng 7.1997, ở VN đã có 24 ngân hàng nước ngoài mở 27 chi nhánh (kể cả ba chi nhánh phụ của Bangkok Bank ở Hà Nội, ANZ Bank và Chinfon Bank ở TP.HCM); 4 ngân hàng liên doanh với nước ngoài, 1 công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, và 1 công ty cho thuê tài chính liên doanh với nước ngoài, 72 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài; 5 quỹ đầu tư và 35 văn phòng đại diện của các công ty bảo hiểm nước ngoài, 2 văn phòng đại diện của công ty chứng khoán nước ngoài. Ngoài ra, còn gần 10 ngân hàng khác của Thái Lan, Indonesia, Pháp, Hàn Quốc, đang đề đơn xin tiếp tục mở chi nhánh, thành lập ngân hàng liên doanh ở VN. Một loạt ngân hàng khác của VN, như Vietcombank, BIDV, Eximbank cũng đang xúc tiến xin thành lập các công ty liên doanh về bảo hiểm và Leasing với các đối tác của Úc, Đức, Nhật Bản, Mỹ, Singapore v.v... Hiện nay trên lãnh thổ VN đang có sự hiện diện của các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán... hàng đầu thế giới từ hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Điều đó chứng tỏ sức hấp dẫn của thị trường VN và dự báo xu thế phát triển thị trường tài chính của VN. Ông Lê Văn Châu, chủ tịch ủy ban chứng khoán nhà nước cũng nhấn mạnh rằng, trong vòng 10 - 15 năm

tới phải đưa VN trở thành một thị trường tài chính của khu vực.

VN có tiềm năng lớn mọi mặt về phát triển kinh tế, nhưng hiện nay vẫn đang là 1 trong 8 nước có mức GDP bình quân đầu người thấp nhất thế giới. Vì vậy không có con đường nào khác là phải tạo ra môi trường kinh tế thuận lợi, hấp dẫn, cho phép khai thác nhanh nhất, có hiệu quả nhất mọi tiềm năng của đất nước, thu hút vốn, kỹ thuật và công nghệ từ bên ngoài...khắc phục nhanh tình trạng tụt hậu. Một trong những con đường cơ bản để thực hiện mục tiêu đó là phải nhanh chóng xây dựng và thúc đẩy thị trường tài chính phát triển, với sự hoạt động đa dạng của các loại hình ngân hàng tài chính bảo hiểm và đầu tư.

Một điều khá rõ ràng khác cần được nói tới là các nhà đầu tư nói chung cũng như các nhà ngân hàng nói riêng, hoạt động ở bất kỳ quốc gia nào cũng vậy, phải tuân thủ theo luật pháp của quốc gia đó. Đến VN, các ngân hàng nước ngoài cũng phải chịu sự quản lý và kiểm soát của Luật đầu tư nước ngoài, các luật liên quan đến xuất nhập khẩu, Luật thương mại...và trực tiếp là Pháp lệnh ngân hàng (sau này là luật ngân hàng), các quy chế quản lý của ngân hàng nhà nước VN và theo đúng mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia. Bởi vậy trước các ý kiến cho rằng, số lượng các ngân hàng nước ngoài hiện nay ở nước ta đã quá nhiều, cần phải tạm dừng việc cấp giấy phép mở chi nhánh. Lý do chủ yếu của quan điểm này là, hiện nay nền kinh tế nước ta mới đang ở trong giai đoạn đầu chuyển sang cơ chế thị trường, mọi yếu tố và chỉ tiêu của nền kinh tế còn ở mức độ thấp. Hệ thống ngân hàng nội địa mới hoạt động theo cơ chế mới, các NHTM cổ phần còn hết sức non trẻ. Nhìn chung hệ thống ngân hàng trong nước số vốn ít, trình độ nghiệp vụ và trình độ quản lý còn non kém, công nghệ ngân hàng còn lạc hậu...nên nếu không khống chế ngay số lượng và quy mô hoạt động của các ngân hàng nước ngoài thì các ngân hàng nước ngoài sẽ cạnh tranh lấn át các ngân hàng trong nước, các ngân hàng trong nước sẽ không phát triển được. Đến một lúc nào đó, các ngân hàng nước ngoài cùng các nhà đầu tư khác có thể chi phối lớn, tiến tới có thể "lũng đoạn" nền kinh tế VN.

Hoặc một trường phái quan điểm khác trái ngược hẳn lại cho rằng, VN đang mở cửa để vươn lên hòa nhập về mặt kinh tế với cộng đồng quốc tế, đang khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường trong nước, thì cần phải tiếp tục khuyến khích và cho phép ngày càng nhiều ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh

hoạt động ở VN, thúc đẩy thị trường tài chính phát triển, tạo môi trường tốt thu hút đầu tư. Theo chúng tôi cần phải tương đối linh hoạt trong vấn đề này, tức không hoàn toàn nên đóng cửa, cũng không hoàn toàn "mở toang" của trong việc cấp giấy phép cho các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh ở VN, mà phải nên tạm thời hạn chế bớt, cần lựa chọn, cho phép từng trường hợp cụ thể.

Các ngân hàng nước ngoài đã có mặt ở VN, sau một thời gian ổn định do mới khai trương chi nhánh và thăm dò thị trường, đang đẩy mạnh hoạt động các nghiệp vụ của ngân hàng quốc tế đã nhanh chóng mở rộng thị phần đầu tư và cho vay ở VN. Cũng lấy hoạt động cho vay làm hàng đầu, nhưng khác hẳn với các ngân hàng thương mại của VN, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh ít cho vay ngắn hạn, hầu như không có cho vay kinh doanh

hàng nước ngoài hiện nay chỉ có khoảng 0,1%, (thấp rất xa so với các ngân hàng của VN).

Đặc biệt là thị phần của các ngân hàng nước ngoài ngày càng chiếm tỷ trọng cao so với các ngân hàng trong nước. Theo báo cáo của chi nhánh ngân hàng nhà nước thành phố Hà Nội, tính đến hết tháng 6.1997, riêng nguồn vốn của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh đã chiếm 26,9% tổng nguồn vốn và tăng 114,9% so với cuối năm 1996. Riêng nguồn vốn ngoại tệ chiếm tới 62% tổng nguồn vốn huy động của các NHTM trên địa bàn Hà Nội.

Về thị phần cho vay, cũng tính đến thời điểm nói trên, tổng dư nợ cho vay và đầu tư của các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài chiếm tới 50,0%. Đáng chú ý là trong khi tỷ lệ sử dụng vốn trên tổng số vốn huy động của các



buôn bán và làm dịch vụ, mà chủ yếu là tài trợ xuất nhập khẩu, đầu tư theo dự án, cho vay trung và dài hạn. Khách hàng của họ cũng chủ yếu là các công ty liên doanh và dự án đầu tư nước ngoài ở VN. Các ngân hàng nước ngoài cũng có cho vay đối với một số doanh nghiệp VN, nhưng đó là những doanh nghiệp đang làm ăn có hiệu quả, có doanh số xuất nhập khẩu cao, như: Tổng công ty than, Tổng công ty bưu chính viễn thông, Tổng công ty cà phê, Tổng công ty xi măng, Tổng công ty hàng hải, Tổng công ty hàng không v.v... cho vay đầu này ở VN nhưng năm chắc việc thanh toán và thu nợ ở đầu kia từ đối tác kinh doanh ở nước ngoài...với phương thức như vậy giúp họ phòng ngừa được rủi ro trong điều kiện môi trường kinh tế ở VN hiện nay. Đó cũng là nguyên nhân giải thích tại sao tỷ lệ nợ quá hạn của các chi nhánh ngân

NHTM quốc doanh chỉ mới đạt 55,9%, thì tỷ lệ này của các ngân hàng liên doanh và chi nhánh nước ngoài khá cao, tới trên 70%. Điều đó cho thấy, họ sử dụng rất có hiệu quả tài sản có, không để vốn đọng.

Thị phần của các ngân hàng nước ngoài ở TP.HCM cũng đang được mở rộng nhanh. Theo báo cáo của chi nhánh Ngân hàng nhà nước TP.HCM, tính trong 6 tháng đầu năm 1997, tổng doanh số cho vay của các ngân hàng trên địa bàn là 33.054 tỷ đồng, thì riêng các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã chiếm trên 50%, tăng gần gấp đôi so với tỷ trọng đầu năm 1996.

Thị phần của các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhanh chóng được mở rộng, một phần là do sau khi ổn định tổ chức, họ đã làm quen về hiệu nhiều về thị trường VN; nhưng một phần

quan trọng khác là, mới đây NHTW cho phép các ngân hàng này được huy động và cho vay bằng đồng VN, họ tranh thủ tìm kiếm được các dự án đầu tư lớn có số vốn từ vài triệu đến hơn 10 triệu USD, trong các lĩnh vực; tàu biển, bến cảng, viễn thông, điện lực, xi măng, khách sạn, sản xuất công nghiệp.v.v...Đồng thời họ chú trọng bán buôn vốn cho các ngân hàng của VN.

Trong số các ngân hàng nước ngoài đang hoạt động ở VN, có những ngân hàng thiên về bán buôn, có những ngân hàng thiên về bán lẻ, nhưng thường là họ kết hợp cả bán buôn và bán lẻ, chú trọng đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ. Đây là hai mảng nghiệp vụ mà các ngân hàng nước ngoài có thế mạnh. Phân tích báo cáo tài chính kết thúc 6 tháng đầu năm 1997 cho thấy, có nhiều chi nhánh ngân hàng nước ngoài số vốn bán buôn chiếm tới 30 - 55% tổng dư nợ cho vay ở VN, một số ngân hàng có tỷ trọng thu nhập từ các dịch vụ ngân hàng: thanh toán, kinh doanh hối đoái...chiếm 20 - 30% tổng doanh thu. Việc bán buôn vốn được thông qua các ngân hàng thương mại của VN, kể cả các ngân hàng thương mại cổ phần và ngân hàng thương mại quốc doanh. Nhưng không phải ngân hàng nào trong nước cũng được ngân hàng nước ngoài bán buôn vốn. Đó phải là những ngân hàng có tình hình tài chính lành mạnh, quản lý rủi ro tốt, có uy tín trong và ngoài nước...Tuy nhiên, sau khi sự kiện Tamexco xảy ra (xét xử phúc thẩm) các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh đã tạm ngừng việc bán buôn vốn, cho vay thông qua các ngân hàng của VN.

Một trong số các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế khác mà các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện ở VN đó là đồng tài trợ theo dự án. Khoảng 3 đến 5 ngân hàng cùng phối hợp đầu tư hay cho vay một dự án, ví dụ như xi măng Sao Mai, dự án của Tổng công ty bưu chính viễn thông, mua tàu biển...Điều này vừa phân tán được rủi ro, vừa tránh được vướng mắc quy định trong pháp lệnh ngân hàng VN là không được cho một khách hàng vay quá 10% vốn tự có của một ngân hàng.

Các doanh nghiệp VN thường phàn nàn rằng, rất khó vay được vốn của các ngân hàng nước ngoài, các thủ tục lại kéo dài và khắt khe, nhưng họ cũng thừa nhận, đôi lại họ nhận được các ý kiến tư vấn có hiệu quả, xác đáng vào tính khả thi của dự án xin vay, an tâm về đối tác nước ngoài mua hàng hay bán máy móc, thiết bị...Và các ngân hàng nước ngoài không phải lúc nào cũng đòi hỏi tài sản thế chấp, mà họ thường căn cứ vào tính hiệu

quả của dự án, khả năng hoàn vốn của dự án và báo cáo tài chính trong ba năm gần nhất; đồng thời không phải mất thêm phụ phí như đối với một số ngân hàng của VN.

Song dù thế nào đi chăng nữa, thì việc thực hiện đúng các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế, kết hợp với quản lý tốt rủi ro là hai mặt nổi bật của các ngân hàng nước ngoài đang hoạt động ở VN, một quốc gia được đánh giá là có tiềm năng lớn nhưng lại có hệ số rủi ro tín dụng vào loại lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

Về mặt cạnh tranh, đây là tính tất yếu của nền kinh tế thị trường. Trong lĩnh vực ngân hàng có nhiều đặc điểm khác so với cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động thương mại, ít có biểu hiện tranh giành khách hàng, mà họ thu hút khách hàng bằng trình độ cao về công nghệ, hiện đại hóa và tự động hóa các dịch vụ ngân hàng. Mỗi ngân hàng vươn lên và khai thác các thế mạnh của mình về từng lĩnh vực, như tài trợ dự án, bán buôn hay mạnh về bán lẻ v.v...tính hợp tác giữa các ngân hàng chặt chẽ, như cùng tài trợ vốn cho một dự án, tham gia cho vay hợp vốn, bán buôn vốn cho nhau, quan hệ ngân hàng đại lý...Hiện nay, tất cả các ngân hàng của VN mà đã được phép thanh toán quốc tế, đang có quan hệ đại lý với hàng trăm ngân hàng trên thế giới.

Về công nghệ ngân hàng, phải thực sự thừa nhận các ngân hàng trong nước còn có khoảng cách xa so với các ngân hàng nước ngoài. Nhưng chính sự xuất hiện hoạt động của các ngân hàng nước ngoài ở VN đã thúc đẩy các ngân hàng trong nước đổi mới nhanh công nghệ, vươn lên hiện đại hóa và quốc tế hóa các hoạt động. Ngược lại, các ngân hàng nước ngoài trước, trong và sau khi đến VN, dù là mở chi nhánh hay đặt VPĐD, đều quan tâm giúp đỡ các ngân hàng trong nước, bao gồm cả ngân hàng nhà nước, NHTM quốc doanh và NHTM cổ phần...trong lĩnh vực đào tạo cán bộ, với các hình thức tài trợ và tổ chức đi nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài, tài trợ và tổ chức dạy tiếng Anh trong nước, tổ chức hội thảo... với các mảng nghiệp vụ; thanh toán quốc tế, đồng tài trợ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán v.v...cho hàng nghìn lượt cán bộ ngân hàng trong nước. Chính bản thân các ngân hàng nước ngoài cũng mong các ngân hàng trong nước ngày càng vững mạnh về công nghệ, sớm hòa nhập về trình độ với các ngân hàng trong khu vực và quốc tế, trở thành đối tác "tin tưởng" trong hợp tác kinh doanh với họ.

Về phía ngân hàng trong nước, có lợi thế am hiểu rõ ràng luật pháp

VN hơn, am hiểu thị trường hơn, có lực lượng khách hàng truyền thống, có mạng lưới rộng hơn và chi phí thấp. Đồng thời, các ngân hàng trong nước còn có lợi thế về ngôn ngữ, sự hiểu biết về phong tục tập quán và văn hóa VN... Do đó, những lo ngại về bất lợi của cạnh tranh có thể chỉ dừng lại ở mức độ nào đó. Ngược lại, chính sự có mặt của các ngân hàng nước ngoài, buộc các ngân hàng trong nước phải bằng mọi cách nhanh chóng vươn lên đối mới toàn diện.

Bởi vậy, theo chúng tôi cần tiếp tục cho phép các ngân hàng nước ngoài đến VN hoạt động, nhưng cần hạn chế và có chọn lọc, đó phải là những ngân hàng lớn nhất thế giới của các nước có quan hệ thương mại và đầu tư lớn với VN.

Song vấn đề có lẽ còn quan trọng hơn là việc quản lý và kiểm soát hoạt động của các ngân hàng nước ngoài như thế nào: yêu cầu đặt ra hiện nay và trong thời gian tới là phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát để đảm bảo cho các ngân hàng nước ngoài có chi nhánh cũng như có VPĐD ở VN, hoạt động đúng hướng, đúng chính sách và luật pháp ở VN, ngăn chặn tình trạng họ xin được mở chi nhánh cốt để giữ chỗ, không tích cực hoạt động. Hoặc một số VPĐD ngân hàng nước ngoài đã có biểu hiện hoạt động vượt quá chức năng của một VPĐD, mở rộng việc tìm kiếm thị trường, thu hút và điều tra khách hàng VN, từ đó tạo điều kiện ngân hàng mẹ cho các khách hàng ở trong nước vay vốn thông qua ngân hàng trong nước bảo lãnh...Những biểu hiện đó cần có sự uốn nắn kịp thời.

Chúng ta đang tiến hành xây dựng dự luật ngân hàng, luật đó làm sao phải bao trùm và điều chỉnh được toàn bộ hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và VPĐD ngân hàng nước ngoài, với các nghiệp vụ mà họ thường có thể mạnh.

Với mục tiêu thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và biến thành hiện thực, thì một mặt cần tạo mọi điều kiện về chính sách thuế, cấp đủ vốn điều lệ...cho các ngân hàng trong nước, nhanh chóng vươn lên về mọi mặt, thì cần tiếp tục lựa chọn và xem xét cho các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư của nước ngoài vào hoạt động, có biện pháp đảm bảo cho các ngân hàng nước ngoài hoạt động đúng hướng. Chúng ta khó có thể nói tới việc thiết lập được thị trường chứng khoán, cũng như vận hành thành công hoạt động của TTCK nếu như chỉ với phần lớn những ngân hàng trong nước với các nghiệp vụ hạn hẹp và cổ điển, và với một số ít ngân hàng nước ngoài hoạt động cầm chừng.